

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHỢ MỚI  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 19 - 02 - 2021  
V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi con  
khi ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Phước Sang

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Võ Lâm Sơn
2. Bà Hoàng Thị Thiện Lai

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Lê Hồng Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang

Trong ngày 19 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 910/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2020/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị Mỹ D, sinh năm 1986; địa chỉ: Số 183/13, ấp TQ, xã TM, huyện CM, tỉnh An Giang (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Bùi Thị Mỹ D: Ông Nguyễn Văn P – Luật sư của Văn phòng luật sư Nguyễn Văn P thuộc Đoàn luật sư tỉnh An Giang; địa chỉ: 477A/24 QCT, phường BK, thành phố LX, tỉnh An Giang (có mặt)

*2. Bị đơn:* Anh Phạm Văn T, sinh năm 1986; địa chỉ: Ấp TQ, xã TM, huyện CM, tỉnh An Giang (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo Đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Bùi Thị Mỹ D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T chung sống với nhau vào năm 2017, có đăng ký kết hôn, hôn nhân do tự tìm hiểu. Vợ chồng chung sống đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn về tài chính, chồng không phụ giúp lo cho vợ con,

vợ chồng không còn chung sống từ tháng 08/2020 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn chị D xin ly hôn với anh T.

- Về quan hệ con chung: Có 01 con chung tên T1, sinh ngày 13/12/2017 hiện đang chung sống với chị D. Sau khi ly hôn chị D yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về quan hệ tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về quan hệ nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phạm Văn T vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa,

Chị Bùi Thị Mỹ D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà D đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D.

Anh Phạm Văn T vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Bùi Thị Mỹ D khởi kiện xin ly hôn anh Phạm Văn T có nơi cư trú tại ấp TQ, xã TM, huyện CM, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Anh Phạm Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 02 để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Phạm Văn T.

Việc giải quyết tranh chấp giữa chị Bùi Thị Mỹ D và anh Phạm Văn T không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới không tham gia phiên tòa là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Đối với quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Mỹ D và anh Phạm Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang ngày 09/12/2019 theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Căn cứ lời trình bày của chị Bùi Thị Mỹ D, sau khi kết hôn thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn về tài chính, chồng không phụ giúp vợ con. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng để tiến hành hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng cho chị D và anh T nhưng anh T đều vắng mặt, xem

nếu đã tự từ bỏ quyền của mình nên Tòa án không hòa giải được, thể hiện anh T không có thiện chí níu kéo quan hệ hôn nhân giữa anh chị. Do đó, có đủ căn cứ để xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, việc chị D yêu cầu ly hôn với anh T phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Đối với con chung: Chị D xác định vợ chồng có 01 con chung tên T1, sinh ngày 13/12/2017. Sau khi ly hôn, chị D yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, anh T đã tự từ bỏ các quyền của mình trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án và việc giao con chung chưa thành niên cho người chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi ly hôn phải đảm bảo điều kiện phát triển tốt nhất cho con cả về vật chất lẫn tinh thần. Cháu T1 là con gái và hiện đang sống với chị D nên tình cảm của cháu đã gắn liền với người nuôi dưỡng nên yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung của chị D phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị Bùi Thị Mỹ D không yêu cầu anh Phạm Văn T cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét. Trường hợp sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[2.3] Đối với tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét. Trường hợp sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[2.4] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, chị Bùi Thị Mỹ D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ:

Điều 28, 35, 39, 147, 227, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Mỹ D.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Mỹ D được ly hôn anh Phạm Văn T.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 151/2019 do Ủy ban nhân dân xã Tân Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 10/10/2019 không còn giá trị pháp lý.

[2] Về con chung:

Chị Bùi Thị Mỹ D được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên T1, sinh ngày 13/12/2017, hiện đang sống chung với chị Bùi Thị Mỹ D.

Anh Phạm Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Bùi Thị Mỹ D cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Phạm Văn T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3] Về quan hệ tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ghi nhận chị Bùi Thị Mỹ D xác định không có nợ chung trong thời kỳ hôn nhân, nhưng sau khi quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có người khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì chị Bùi Thị Mỹ D và anh Phạm Văn T vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Bùi Thị Mỹ D phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai số 0013894 ngày 12/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới.

[6] Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- Đương sự;
- UBND xã Tân Mỹ;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Phước Sang**

